

Bản án số: 39/2025/HS-ST

Ngày: 20 - 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lý

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Đức

2. Bà Nguyễn Thị An

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Quốc Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2025, đối với bị cáo:

Trần Văn L, sinh ngày 28/8/1978; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 18, phường K, thành phố T, tỉnh T (nay là tổ 18, phường T1, tỉnh H); Nơi ở hiện tại: Số nhà 115, tòa nhà CT2, khu đô thị 379, tổ 12, phường Q, thành phố T, tỉnh T (nay là số nhà 115, tòa nhà CT2, khu đô thị 379, tổ 12, phường T2, tỉnh H); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Hoài S (đã chết) (ông S được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba) và bà Bùi Thị H1 (bà H1 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì); Có vợ là Lê Thị D (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án số 100/HSST ngày 24/3/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 03 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Trần Văn L đã chấp hành xong án phạt tù. Ngày 21/8/2000, Cục thi hành án dân sự tỉnh Đ đã ra Quyết định ủy thác số 148/UT.THA ủy thác cho Đội thi hành án thị xã T, tỉnh T thi hành số

tiền phạt 20.000.000 đồng và án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng. Qua xác minh tại Cục thi hành án dân sự tỉnh T (nay là Cục Thi hành án dân sự tỉnh H) và Chi cục thi hành án dân sự thành phố T (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5-Hung Yên) thì không nhận được quyết định ủy thác trên do đó tại Bản án số 111/2017/HSST ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T đã cho Trần Văn L được hưởng tình tiết có lợi.

- Bản án số 56/HSST ngày 24/02/2003 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 20 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Buộc Trần Văn L phải trả lại cho bị hại số tiền 65.000 đồng. Trần Văn L chấp hành xong án phạt tù ngày 06/7/2004, chấp hành xong án phí ngày 25/8/2003. Về trách nhiệm dân sự người bị hại không có đơn yêu cầu nên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T không thụ lý do đó Trần Văn L được hưởng tình tiết có lợi.

- Bản án số 25/HSST ngày 26/01/2005 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 28 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Buộc Trần Văn L nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 500.000 đồng do thu lợi bất chính mà có. Trần Văn L chấp hành xong án phạt tù ngày 15/11/2006, đã nộp tiền sung công quỹ nhà nước làm 3 lần tổng cộng là 200.000 đồng vào các ngày 03/01/2014, ngày 25/01/2014, ngày 19/3/2014. Số tiền sung công còn lại và tiền án phí được miễn theo Quyết định số 37/MG ngày 27/3/2014 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T.

- Bản án số 15/2012/HSST ngày 10/02/2012 của Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh B2 xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong án phạt tù ngày 18/01/2014, chấp hành xong án phí ngày 27/4/2012.

- Bản án số 111/2017/HSST ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xử phạt 01 năm 9 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong án phạt tù ngày 03/12/2018, chấp hành xong án phí ngày 07/9/2017.

- Quyết định số 14/QĐ ngày 30/11/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh T bắt đưa đi trường giáo dưỡng tại cơ sở S1, huyện B3, tỉnh H2, thời hạn 02 năm kể từ ngày 05/12/1996, đã chấp hành xong ngày 05/12/1998.

- Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 02/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội thành phố T thời hạn 12 tháng, kể từ ngày 05/4/2010, chấp hành xong ngày 05/4/2011.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/5/2025 đến ngày 20/5/2025 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam Thái Bình thuộc Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Hưng Yên (có mặt)

- *Người chứng kiến:*

+ Anh Hoàng Văn D1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh T (nay là thôn P, phường V, tỉnh H).

+ Anh Mai Văn H3, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn C, xã V, thành phố T, tỉnh T (nay là thôn C, phường V, tỉnh H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 40 ngày 14/5/2025, Trần Văn L đi bộ từ nhà ở khu đô thị 379, tổ 12, phường Q, thành phố T, tỉnh T (nay là khu đô thị 379, tổ 12, phường T2, tỉnh H) đến khu vực C1, thuộc xã V, thành phố T, tỉnh T (nay là phường V, tỉnh H) thì gặp và mua được của một người nam giới khoảng 45 tuổi, không biết tên, địa chỉ 01 túi ma túy đá với giá 300.000 đồng. Sau khi nhận gói ma túy L cất giấu vào túi quần bên trái phía trước quần L đang mặc rồi đi bộ tìm chỗ để sử dụng. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, khi L đi bộ đến khu vực đường C2 thuộc thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh T (nay là thôn P, phường V, tỉnh H) thì bị tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T (nay là Công an tỉnh Hưng Yên) phát hiện. Tại đây trước sự chứng kiến của anh Hoàng Văn D1 và anh Mai Văn H3, L tự giác lấy từ trong túi quần bên trái phía trước quần L đang mặc ra giao nộp cho tổ công tác 01 (một) túi nilon trong suốt, bên trong chứa chất dạng tinh thể trong suốt và khai nhận đây là túi ma túy đá của L cất giấu để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác yêu cầu L và mời người chứng kiến về trụ sở Công an xã V, thành phố T, tỉnh T (nay là Công an phường V, tỉnh H) để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ theo quy định. Cùng ngày cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T (nay là Công an tỉnh Hưng Yên) tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của L nhưng không phát hiện, thu giữ gì.

Bản Kết luận giám định số 497/KL-KTHS ngày 19/5/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (nay là Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên) kết luận: Mẫu vật quản lý của Trần Văn L gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,3427 gam.

Bản Cáo trạng số 13/CT-VKSKV5 ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên truy tố ra trước Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên để xét xử đối với Trần Văn L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên giữ nguyên quan điểm đã truy tố trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn L mức án tù 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 14/5/2025.

Phạt bổ sung bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy hoàn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì bên ngoài ghi số 497/KL-KTHS.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo Trần Văn L nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng, kết luận giám định, lời khai người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 16 giờ 30 phút ngày 14/5/2025, tại khu vực đường C2 thuộc thôn P, xã V, thành phố T,

tỉnh T (nay là thôn P, phường V, tỉnh H), Trần Văn L có hành vi tàng trữ trái phép trên người 01 túi ma túy đá, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,3427 gam mục đích để sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

Hành vi của Trần Văn L là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, ma túy là loại chất gây nghiện gây tác hại xấu cho sức khỏe con người, là nguyên nhân phá hoại hạnh phúc của bao gia đình và còn làm phát sinh các tệ nạn xã hội khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Bị cáo là người đã thành niên, có nhân thân xấu, bị cáo nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

[3] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên truy tố đối với bị cáo Trần Văn L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo có bố mẹ để được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba và Huy chương kháng chiến hạng Nhì nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

[6] Khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc*

tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Số ma túy thu giữ của bị cáo Trần Văn L còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo Trần Văn L khai mua ma túy của một người đàn ông khoảng 45 tuổi, không biết tên, địa chỉ tại khu vực C1, thuộc xã V, thành phố T, tỉnh T (nay là phường V, tỉnh H) ngày 14/5/2025, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 38, Điều 47, Điều 50 Bộ luật Hình sự, Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn L 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 14/5/2025).

Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của Trần Văn L hoàn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì, bên ngoài ghi số 497/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (nay là Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên).

(Vật chứng đã được chuyển đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh Hưng Yên theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/8/2025).

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND khu vực 5-Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hưng Yên;
- Phân trại tạm giam Thái Bình;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lý